TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 220/2024/KDTM-PT
Ngày: 11-09-2024
V/v tranh chấp về hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Đào Quốc Thịnh

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Hường

Ông Lê Thọ Viên

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hiệp Định – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phan Hoàng Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 82/2024/TLPT-KDTM ngày 14 tháng 3 năm 2024 về: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 151/2023/KDTM-ST ngày 22 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2902/2024/QĐ-PT ngày 30/5/2024 và các Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 8957/2024/QĐ-PT ngày 24/6/2024, số 10845/2024/QĐ-PT ngày 23/7/2024, số 12542/2024/QĐ-PT ngày 23/8/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần K1

Địa chỉ: Số F Q, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Vũ Q – Sinh năm 1983, bà Nguyễn Ngọc Xuân N – Sinh năm 1987; cùng địa chỉ liên hệ: Tầng L, I N, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Văn bản ủy quyền ngày 07/3/2023 (theo Giấy ủy quyền số 0107-02/2023/UQMN-TCB ngày 07/3/2023).

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần M1

Địa chỉ: Số D đường D, Khu dân cư H, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Minh L – Sinh năm 1991, ông Nguyễn Văn Nhật H – Sinh năm 1996; cùng địa chỉ liên hệ: 1 N, Phường H, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy ủy quyền số 06/2024/GUQ-MHL ngày 06/8/2024).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Trần Duy K, sinh năm 1981

Địa chỉ: Số D H, Phường G, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

3.2. Ông Trần Tuấn M, sinh năm 1983

3.3. Bà Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 1983

3.4. Ông Trần Xảo C, sinh năm 1948

3.5. Bà Lưu Lang P1, sinh năm 1955

3.6. Ông Trần Tuấn N1, sinh năm 1979

3.7. Trẻ Trần Kiến H1, sinh năm 2013

3.8. Trẻ Trần Kiến H2, sinh năm 2013

Cùng địa chỉ: 5 T, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền Ông Trần Tuấn M: Ông Huỳnh Hữu Đ, sinh năm 1999; địa chỉ: 2 Khóm F, M, thành phố L, tỉnh An Giang (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 09/5/2023).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Kim P: Ông Huỳnh Hữu Đ, sinh năm 1999; địa chỉ: 2 Khóm F, M, thành phố L, tỉnh An Giang (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 05/7/2023).

Người đại diện hợp pháp của trẻ H1 và trẻ H2: Ông Trần Tuấn M và bà Nguyễn Thị Kim P.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp Ông Trần Tuấn M, bà Nguyễn Thị Kim P: Bà Lưu Thị Quỳnh T, Luật sư của Công ty L2, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H.

3.9. Ông Phạm Vĩnh Đ1, sinh năm 1975

3.10. Bà Đinh Thị Thu T1, sinh năm 1993

Cùng địa chỉ: Số B Sông N, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.11. Công ty Cổ phần K2

Địa chỉ: Lô B, đường D, Khu công nghiệp P, xã A, huyện B, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị Minh N2, sinh năm 1978; địa chỉ: 2 T, Phường F, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy ủy quyền ngày 11/7/2023).

(*Tại phiên tòa:* Ông Q, bà N và ông H2 có mặt; ông Đ1, ông C, bà P1, ông N1, bà N2 xin vắng mặt; bà L, bà K, bà T, ông Đ1, bà T1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nội dung bản án sơ thẩm đã thể hiện:

** Theo đơn khởi kiện; Bản tự khai; Biên bản không tiến hành hòa giải được, đại diện nguyên đơn trình bày:*

Ngân hàng Thương mại Cổ phần K1 *(sau đây gọi tắt là Ngân hàng)* và Công ty Cổ phần M1 (*sau đây gọi tắt là Công ty M1)* đã ký kết Hợp đồng cấp tín dụng số CLN20150171/HĐCTD ngày 23/04/2015, Phụ lục số CLN20150171/HĐCTD/PL01/2021 ngày 31/03/2021 và Hợp đồng tín dụng số CLN201912297002/HĐTD ngày 08/01/2019, cụ thể như sau:

- Hợp đồng cấp tín dụng số CLN20150171/HĐCTD ngày 23/04/2015: Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động; lãi suất thả nổi; thời hạn cấp tín dụng: 12 tháng; hạn mức cấp tín dụng: 120.000.000.000 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số CLN201912297002/HĐTD ngày 08/01/2019: Mục đích vay: Thanh toán trả nợ trước hạn khoản vay dài hạn đầu tư nhà xưởng tại T3; Lãi suất thả nổi; thời hạn cấp tín dụng: 12 tháng; hạn mức cấp tín dụng: 40.000.000.000 đồng.

Tổng số tiền giải ngân theo hai Hợp đồng tín dụng trên là 108.475.244.673 đồng theo các Khế ước nhận nợ được liệt kê tại Phụ lục kèm theo Đơn khởi kiện.

Để đảm bảo cho khoản vay, Công ty M1 và bên thứ ba đã thế chấp các tài sản sau:

- Quyền sử dụng đất và công trình nhà máy M2 tại thửa đất số 1693, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại xã A, huyện B, tỉnh Long An thuộc sở hữu của Công ty M1 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 634908, số vào sổ cấp GCN: CT40311 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 13/10/2017, cập nhật quyền sở hữu đối với công trình nhà máy M2 ngày 01/10/2018 (theo Hợp đồng thế chấp số CLN201812297053/HĐTC ngày 10/01/2019 công chứng tại Văn phòng C1 và đăng ký giao dịch đảm bảo tại Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh L ngày 11/01/2019).

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số E T, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sở hữu của ông Trần Tuấn M theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 886/2008/UB.GCN do Ủy ban nhân dân Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07/3/2008, cập nhật thay đổi chủ sở hữu ngày 14/11/2017 tại Chi nhánh Văn phòng Đ2, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Hợp đồng thế chấp số CLN20171409/HĐTC ngày 19/12/2017 công chứng tại Văn phòng C2 và đăng ký giao dịch đảm bảo tại Chi nhánh Văn phòng Đ2, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 21/12/2017).

- Quyền sử dụng đất thửa đất số 617, tờ bản đồ số 51, tại địa chỉ phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sở hữu của ông Phạm Vĩnh Đ1 và bà Đinh Thị Thu T1 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 007452, số vào sổ cấp GCN: CS 15100 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H cấp ngày 09/02/2021, thay đổi mục đích sử dụng đất ngày 11/3/2021 tại Chi nhánh Văn phòng Đ3, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Hợp đồng thế chấp số CLN202113382677/HĐTC ngày 07/4/2021 công chứng tại Văn phòng C2 và

đăng ký giao dịch đảm bảo tại Chi nhánh Văn phòng Đ3, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 07/04/2021).

- Chứng thư bảo lãnh ngày 31/03/2021 của ông Trần Tuấn M và ông Phạm Vĩnh Đ1.

Từ ngày nhận nợ đến ngày 03/10/2022, Công ty M1 đã trả cho Ngân hàng số tiền là 30.813.182.338 đồng, trong đó nợ gốc đã trả là 17.233.802.367 đồng, nợ lãi đã trả là 13.579.379.971 đồng.

Sau ngày 03/10/2022, Công ty M1 đã không thực hiện trả nợ theo như cam kết trong Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ. Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở, yêu cầu Công ty M1 thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng Công ty M1 vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ.

Tính đến ngày 21/11/2023, dư nợ của Công ty M1 tại Ngân hàng cụ thể như sau: Nợ gốc: 91.241.442.396 đồng; Nợ lãi: 14.380.602.990 đồng; Tổng nợ: 105.622.045.386 đồng.

Vì vậy, để bảo vệ quyền và lợi ích Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Buộc Công ty M1 cho Ngân hàng số tiền (tính đến ngày 21/11/2023) là: Nợ gốc: 91.241.442.396 đồng; Nợ lãi: 14.380.602.990 đồng; Tổng nợ: 105.622.045.386 đồng. Trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Buộc Công ty M1 Liên thanh toán phần nợ lãi, tiền phạt phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cấp tín dụng số CLN20150171/HĐCTD ngày 23/4/2015, Phụ lục số CLN20150171/HĐCTD/PL01/2021 ngày 31/3/2021 và Hợp đồng tín dụng số CLN201912297002/HĐTD ngày 08/01/2019 cùng các đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ kèm theo, kể từ ngày 22/11/2023 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

- Trong trường hợp Công ty M1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của khoản vay nói trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Tài sản bảo đảm là:

+ Quyền sử dụng đất và công trình nhà máy M2 tại thửa đất số 1693, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại xã A, huyện B, tỉnh Long An thuộc sở hữu của Công ty M1 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 634908, số vào sổ cấp GCN: CT40311 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 13/10/2017, cập nhật quyền sở hữu đối với công trình nhà máy M2 ngày 01/10/2018 (theo Hợp đồng thế chấp số CLN201812297053/HĐTC ngày 10/01/2019 công chứng tại Văn phòng C1 và đăng ký giao dịch đảm bảo tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh L ngày 11/01/2019).

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số E đường T, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sở hữu của ông Trần Tuấn M theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 886/2008/UB.GCN do Ủy ban nhân dân Quận E, Thành phố Hồ Chí

Minh cấp ngày 07/3/2008, cập nhật thay đổi chủ sở hữu ngày 14/11/2017 tại Chi nhánh Văn phòng Đ2, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Hợp đồng thế chấp số CLN20171409/HĐTC ngày 19/12/2017 công chứng tại Văn phòng C2, đã đăng ký giao dịch đảm bảo tại Chi nhánh Văn phòng Đ2, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 21/12/2017).

+ Quyền sử dụng đất thửa đất số 617, tờ bản đồ số 51, tại địa chỉ phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sở hữu của ông Phạm Vĩnh Đ1 và bà Đinh Thị Thu T1 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 007452, số vào sổ cấp GCN: CS 15100 do Sở Tài nguyên Và Môi trường Thành phố H cấp ngày 09/02/2021, thay đổi mục đích sử dụng đất ngày 11/3/2021 tại Chi nhánh Văn phòng Đ3, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Hợp đồng thế chấp số CLN202113382677/HĐTC ngày 07/4/2021đã công chứng tại Văn phòng C2 và đăng ký giao dịch đảm bảo tại Chi nhánh Văn phòng Đ3, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 07/4/2021).

- Trường hợp sau khi tiến hành kê biên, phát mãi các tài sản bảo đảm nói trên mà không thu đủ nợ Công ty M1 có trách nhiệm thanh toán khoản nợ còn lại. Trường hợp Công ty M1 không còn khả năng thanh toán thì ông Trần Tuấn M và ông Phạm Vĩnh Đ1 phải liên đới chịu trách nhiệm thanh toán khoản nợ còn lại của Công ty M1 theo Chứng thư bảo lãnh ngày 31/3/2021.

** Người đại diện theo ủy quyền của Công ty M1 trình bày:*

Công ty M1 và Ngân hàng có ký kết các Hợp đồng và phụ lục như sau: Hợp đồng cấp tín dụng số CLN20150171/HĐCTD ngày 23/4/2015, Hợp đồng tín dụng số CLN201912297002/HĐTD ngày 08/01/2019, Phụ lục số CLN20150171/HĐCTD/PL01 ngày 31/03/2023. Tổng số tiền cấp tín dụng theo các Hợp đồng tín dụng trên là 160.000.000.000 đồng. Tổng số tiền Ngân hàng đã giải ngân và tổng số tiền Công ty M1 thực nhận theo hai Hợp đồng tín dụng trên là 108.475.244.673 đồng.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng cấp tín dụng, trong bối cảnh tình hình kinh tế nhiều biến động, mặc dù tình hình sản xuất, kinh doanh gặp nhiều khó khăn nhưng Công ty M1 vẫn thu xếp thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và các khoản lãi. Cụ thể: Nợ gốc đã trả: 17.233.802.367 đồng; Nợ lãi đã trả: 13.579.379.971 đồng; Tổng nợ đã trả: 30.813.182.338 đồng.

Thông qua các biên bản làm việc, các văn bản giữa các bên đang cùng nhau thống nhất về thời điểm Công ty M1 nộp tiền để giải chấp tài sản là nhà xưởng tại Long An và máy đột dập kim loại trước. Ngân hàng cũng đã phát hành Văn bản số 01211/2023/TB-AMCMN ngày 24/3/2023 với nội dung: "gia hạn thời gian nộp tiền giải chấp TSBD theo Thông báo số 0148/2023/TB-AMCMN đến ngày 31/3/2023".

Để sắp xếp nguồn tài chính Công ty Cổ phần M1 đã đề nghị gia hạn thời gian giải chấp tài sản là chậm nhất đến ngày 15/6/2023. Lý do Công ty M1 đề nghị thời gian giải chấp là do đơn vị thuê Nhà máy của Công ty M1 là Công ty Cổ phần K2 không hỗ trợ, đã ngăn cản trong việc Công ty M1 vào nhà máy để

đưa khách hàng, đối tác tham quan, phục vụ công tác đàm phán huy động nguồn vốn trả nợ. Đồng thời, việc gia hạn này cũng hoàn toàn phù hợp với chủ trương của Ngân hàng N3 tại Thông tư số 02/2023/TT-NHNN ngày 23/4/2023 (*sau đây gọi tắt là Thông tư số 02/2023/TT-NHNN*) về việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn. Tuy nhiên, vì Ngân hàng đơn phương khởi kiện đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến kế hoạch tài chính của Công ty M1, Công ty M1 buộc phải điều chỉnh, cơ cấu lại thời hạn trả nợ. Do đó, Công ty M1 đã đề nghị gia hạn thời hạn thanh toán, tất toán cho tài sản là nhà xưởng tại Long An và máy đột dập kim loại đến ngày 15/8/2023. Đồng thời, Công ty M1 cam kết trong trường hợp sau ngày 15/8/2023, Công ty M1 chưa hoàn tất việc tất toán để nhận lại tài sản, Công ty M1 chấp nhận mất quyền thương lượng và phối hợp thực hiện theo các quy định của pháp luật và Ngân hàng. Ngay sau khi thực hiện hoàn tất thanh toán tất toán, rút tài sản là nhà máy Công ty M1, Công ty M1 sẽ tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ tiếp theo (trên tinh thần đúng theo Biên bản làm việc ngày 10/02/2023).

Tuy nhiên, Ngân hàng lại không đồng hành cùng Công ty M1, không tạo điều kiện cho Công ty M1 thêm thời gian để thu xếp, giải quyết tất toán công nợ. Với mong muốn được tiếp tục đồng hành cùng Ngân hàng, Công ty M1 đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho Công ty M1 được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, hoặc gia hạn thời gian trả nợ đến tháng 6/2023. Đồng thời, giảm lãi cho khoản vay của Công ty M1. Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ sẽ góp phần tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp tiếp tục quay vòng nguồn vốn và tiếp cận vốn vay mới để phục vụ sản xuất, kinh doanh qua đó góp phần phát triển sản xuất, kinh doanh, thúc đẩy phát triển kinh tế. Công ty M1 cam kết thực hiện nghiêm túc các thỏa thuận về việc cơ cấu, gia hạn thời gian trả nợ theo quy định của pháp luật.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Tuấn M có ông Huỳnh Hữu Đ đại diện trình bày:*

Trong quá trình ông Trần Tuấn M còn là cổ đông của Công ty M1, nhằm đảm bảo hoạt động kinh doanh của công ty nên ông M đã sử dụng tài sản cá nhân của mình để bảo đảm cho khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số CLN20150171/HĐCTD ngày 23/04/2015 và Phụ lục số CLN20150171/HĐCTD/PL01/2021 ngày 31/03/2021 và Hợp đồng tín dụng số CLN201912297002/HĐTD ngày 08/01/2019. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số E T, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sở hữu của ông M theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 886/2008/UB.GCN do Ủy ban nhân dân Quận E cấp ngày 07/3/2008. Việc thế chấp tài sản được ký kết bởi các văn bản như sau: Thế chấp tài sản cá nhân là theo Hợp đồng thế chấp CLN20171409/HĐTC ngày 19/12/2017 công chứng tại Văn phòng C2. Ngày 31/3/2021 ông M tiếp tục ký chứng thư bảo lãnh khoản vay cho Công ty M1.

Trong suốt quá trình ông M còn là cổ đông của Công ty M1, Công ty M1 đều thanh toán cho Ngân hàng đúng và đầy đủ theo Hợp đồng tín dụng đã giao kết. Tuy nhiên sau khi ông M không còn là cổ đông và đại diện theo pháp luật

cũng như Chủ tịch của Công ty M1 thì việc thanh toán các khoản nợ của Công ty M1 ông M không biết.

Ngày 13/10/2022 Ngân hàng Thương mại Cổ phần K1 – Chi nhánh C3 gửi Công văn số 371/22/2022/TB-TCBCLN với nội dung là Công ty M1 chưa thực hiện các khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính có liên quan đến khoản nợ của Ngân hàng đến ông M. Ông M có nhiều lần liên lạc với đại diện theo pháp luật của Công ty M1 là ông Huỳnh Đình T2 và người đại diện theo pháp luật hiện tại là bà Trần Duy K để làm việc và yêu cầu Công ty M1 phải thực hiện nghĩa vụ với Ngân hàng, đồng thời yêu cầu trả tài sản lại cho mình tuy nhiên không nhận được câu trả lời từ phía Công ty M1.

Sau nhiều lần ông M yêu cầu được gặp mặt 3 bên giữa Ngân hàng - Công ty M1 và người cho mượn tài sản đảm bảo để giải quyết nhưng bên Công ty M1 không thực hiện. Đến tháng 05/2023 ông Trần Tuấn M được Tòa án nhân dân Quận 7 mời với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" thụ lý số 38/2023/TLST-KDTM ngày 05/4/2023.

Để bảo đảm quyền và lợi ích của ông M và bà Nguyễn Thị Kim P, ông M yêu cầu Công ty M1 các khoản nợ bao gồm nợ gốc và lãi cho Ngân hàng. Đồng thời yêu cầu Công ty M1 giải chấp tài sản và trả tài sản lại cho ông Trần Tuấn M là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số E T, Phường A, Quận E vì ông M không còn là cổ đông của công ty.

Việc xử lý về tài sản nếu buộc phải thực hiện do Công ty M1 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của mình thì ông kính đề nghị phải xử lý tài sản của doanh nghiệp trước. Cụ thể là ông M yêu cầu Ngân hàng xử lý Nhà máy ở Long An của Công ty M1 vì đây là khối tài sản lớn sau khi phát mãi thì Ngân hàng dễ thu hồi lại vốn và các khoản nợ khác.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim P có ông Huỳnh Hữu Đ đại diện trình bày:*

Nhà và đất tại địa chỉ số E T, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh là nơi ở hợp pháp duy nhất của bà Nguyễn Thị Kim P.

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của mình bà P yêu cầu Công ty M1 Liên thanh toán các khoản nợ bao gồm nợ gốc và lãi cho Ngân hàng. Đồng thời yêu cầu Công ty M1 giải chấp tài sản và trả tài sản lại cho ông M (chồng của bà P) là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số E T, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Việc xử lý về tài sản nếu buộc phải thực hiện do Công ty M1 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của mình thì bà P đề nghị phải xử lý tài sản của doanh nghiệp trước. Cụ thể là bà P yêu cầu Ngân hàng xử lý Nhà máy ở Long An của Công ty M1 vì đây là khối tài sản lớn sau khi phát mãi thì Ngân hàng dễ thu hồi lại vốn và các khoản nợ khác.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Xảo C trình bày:*

Căn nhà và đất tại địa chỉ số E T, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh là nơi ở hợp pháp duy nhất của ông Trần Xảo C. Ông C đề nghị Công ty M1 các khoản nợ và các khoản tài chính cho Ngân hàng để quá trình giải quyết vụ án được thuận lợi không ảnh hưởng đến cuộc sống, công việc của gia đình ông. Trong quá trình giải quyết vụ án nếu có phát sinh vấn đề về phát mãi tài sản thì ông C đề nghị Tòa án xem xét việc phát mãi tài sản là Nhà máy ở Long An của Công ty M1 vì đây là khối tài sản lớn sau khi phát mãi thì Ngân hàng dễ thu hồi lại vốn và các khoản nợ khác. Hiện tại, nhà và đất trên có các cháu ông C là trẻ chưa thành niên đang sinh sống đây cũng là nơi ở hợp pháp duy nhất của các cháu. Đồng thời, ông C đề nghị được vắng mặt trong tất các các buổi làm việc của Tòa án và xin được vắng mặt trong tất cả các phiên xét xử của Tòa án.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Tuấn N1 trình bày:*

Căn nhà và đất tại địa chỉ số E T, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh là nơi ở hợp pháp duy nhất của ông Trần Tuấn N1. Ông N1 đề nghị Công ty M1 các khoản nợ và các khoản tài chính cho Ngân hàng để quá trình giải quyết vụ án được thuận lợi không ảnh hưởng đến cuộc sống, công việc của gia đình ông. Trong quá trình giải quyết vụ án nếu có phát sinh vấn đề về phát mãi tài sản thì ông N1 đề nghị Tòa án xem xét việc phát mãi tài sản là Nhà máy ở Long An của Công ty M1 vì đây là khối tài sản lớn sau khi phát mãi thì Ngân hàng dễ thu hồi lại vốn và các khoản nợ khác. Hiện tại, nhà và đất trên có các cháu ông N1 là trẻ chưa thành niên đang sinh sống đây cũng là nơi ở hợp pháp duy nhất của các cháu. Việc Tòa án giải quyết tài sản có thể dẫn đến thay đổi chỗ ở của các trẻ chưa thành niên làm ảnh hưởng xấu đến quá trình hình thành và phát triển nhận thức của trẻ. Đồng thời, ông N1 đề nghị được vắng mặt trong tất các các buổi làm việc của Tòa án và xin được vắng mặt trong tất cả các phiên xét xử của Tòa án.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần K2 có bà Lê Thị Minh N2 đại diện trình bày:*

Do Công ty Cổ phần K2 (*sau đây gọi tắt là Công ty K2*) và phía Công ty M1 bị chi phối bởi các điều khoản của Hợp đồng thuê kho số: 01062022-1/MHL-KSO/HĐTK-2022 và đây là giao dịch dân sự dựa trên sự thống nhất và yêu cầu của các bên liên quan do đó chỉ có thể chuyển tiền thanh toán đối với nghĩa vụ thuê kho về tài khoản do bên cho thuê chỉ định. Mọi giao dịch chuyển tiền thực hiện nghĩa vụ xuất phát từ ý chí đơn phương của hay theo yêu cầu của bên thứ 3 không liên quan đến Hợp đồng thuê kho mà không có sự đồng ý của bên cho thuê sẽ không được bên cho thuê xác định cho việc hoàn thành nghĩa vụ của Công ty K2.

Mặt khác, hiện nay phía Công ty K2 vẫn chưa thể chuyển tiền thanh toán hợp đồng thuê kho cho Công ty M1 vì ngoài Hợp đồng thuê kho mà phía Công ty M1 là bên cho thuê thì giữa hai bên còn tồn tại Hợp đồng gia công số: 01062022/HĐGC/KS-MHL mà trong đó phía Công ty K2 là phía nhận gia công. Đồng nghĩa với việc ngoài trách nhiệm của Công ty K2 thanh toán tiền thuê kho cho Công ty M1 thì phía Công ty M1 cũng phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán

tiền chi phí gia công cho Công ty K2. Trên thực tế cho đến thời điểm hiện nay, giữa Công ty K2 và Công ty M1 vẫn chưa thực hiện xong việc đối chiếu công nợ cho các nghĩa vụ đang xen này.

Bên cạnh đó cũng cần nói thêm rằng, Công ty K2 thuê kho và để đảm bảo cho việc vận hành kho Công ty K2 đã thay mặt bên cho thuê thanh toán hộ các chi phí phải trả cho Ban Q1, các khoản chi phí khác phải trả theo Hợp đồng thuê kho,… Tại Hợp đồng thuê kho số: 01062022-1/MHL-KSO/HĐTK-2022 thỏa thuận rằng các chi phí này phía cho thuê phải xuất hóa đơn lại cho Công ty K2 và Công ty K2 chỉ thanh toán chi phí thuê kho khi và chỉ khi nhận được hóa đơn chứng từ của bên cho thuê, đây là nghĩa vụ đối xứng vì vậy trong trường hợp bên cho thuê vẫn chưa xuất các hóa đơn, chứng từ cho phía Công ty K2 thì Công ty K2 không thể chuyển tiền thực hiện nghĩa vụ tài chính của Hợp đồng thuê kho.

Công ty K2 xin xác nhận lại rằng Công ty K2 hoàn toàn không có ý kiến đối với việc thực hiện nghĩa vụ của Công ty M1 cho Ngân hàng trong nội dung tranh chấp này. Tuy nhiên Công ty K2 yêu cầu Công ty M1 cũng như các bên liên quan khi xử lý tài sản để đảm bảo nghĩa vụ là nhà xưởng mà Công ty K2 đang thuê thì phải đảm bảo quyền lợi cho bên đang thuê và thực hiện đúng nghĩa vụ như cam kết tại Hợp đồng thuê kho số: 01062022-1/MHL-KSO/HĐTK-2022 ngày 01/6/2022 đối với Công ty K2.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị Thu T1 trình bày:*

Bà Đinh Thị Thu T1 và ông Phạm Vĩnh Đ1 là vợ chồng, ông bà có ký hết Hợp đồng thế chấp số CLN202113382677/HĐTC ngày 07/4/2021 để thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất thửa đất số 617, tờ bản đồ số 51, tại địa chỉ phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh nhằm đảm bảo khoản vay cho Công ty M1 tại Ngân hàng. Bà T1 không có ý kiến hay yêu cầu gì về việc tranh chấp "Hợp đồng tín dụng" giữa Ngân hàng với Công ty M1 và cũng không có chứng cứ gì để nộp cho Tòa án.

** Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 151/2023/KDTM-ST ngày 22/11/2023 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:*

1. Về hình thức: Xử vắng mặt: người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm các ông bà: Ông Trần Xảo C, bà Lưu Lan P2, ông Trần Tuấn N1, ông Phạm Vĩnh Đ1, bà Đinh Thị Thu T1; Người đại diện theo ủy quyền của Công ty Cổ phần M1 - ông Nguyễn Khắc D; Người đại diện theo ủy quyền của Công ty Cổ phần K2 - bà Lê Thị Minh N2.

2. Về nội dung:

2.1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Ngân hàng Thương mại Cổ phần K1.

Buộc Công ty Cổ phần M1 phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần K1 tổng số tiền tính đến ngày 21/11/2023 là: 105.622.045.386 đồng, trong đó bao gồm: Nợ gốc là: 91.241.442.396 đồng; Nợ lãi là: 14.380.602.990 đồng theo Hợp đồng cấp tín dụng số CLN20150171/HĐCTD

ngày 23/4/2015, Phụ lục số CLN20150171/HĐCTD/PL01/2021 ngày 31/3/2021 và Hợp đồng tín dụng số CLN201912297002/HĐTD ngày 08/01/2019.

Trả ngay một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2.2. Kể từ ngày 22/11/2023 cho đến khi thi hành án xong, Công ty Cổ phần M1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cấp tín dụng số CLN20150171/HĐCTD ngày 23/04/2015, Phụ lục số CLN20150171/HĐCTD/PL01/2021 ngày 31/03/2021 và Hợp đồng tín dụng số CLN201912297002/HĐTD ngày 08/01/2019. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2.3. Trường hợp Công ty Cổ phần M1 không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số tiền còn nợ trên cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần K1, thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần K1 có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là: Quyền sử dụng đất và công trình nhà máy M2 tại thửa đất số 1693, tờ bản đồ số 3 tọa lạc tại xã A, huyện B, tỉnh Long An thuộc sở hữu của Công ty cổ phần M1 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 634908, số vào sổ cấp GCN: CT40311 do Sở Tài nguyên Và Môi trường tỉnh L cấp ngày 13/10/2017, cập nhật quyền sở hữu đối với công trình nhà máy M2 ngày 01/10/2018; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại tại địa chỉ số E đường T, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sở hữu của ông Trần Tuấn M theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 886/2008/UB.GCN do Ủy ban nhân dân Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07/3/2008, cập nhật thay đổi chủ sở hữu ngày 14/11/2017 tại Chi nhánh Văn phòng Đ2, Thành phố Hồ Chí Minh; Quyền sử dụng đất thửa đất số 617, tờ bản đồ số 51 tại địa chỉ phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sở hữu của ông Phạm Vĩnh Đ1 và bà Đinh Thị Thu T1 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 007452, số vào sổ cấp GCN: CS 15100 do Sở Tài nguyên Và Môi trường Thành phố H cấp ngày 09/02/2021, thay đổi mục đích sử dụng đất ngày 11/3/2021 tại Chi nhánh Văn phòng Đ3, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.4. Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản được dùng để thanh toán các khoản nợ gốc và lãi của Công ty Cổ phần M1 đối với Ngân hàng Thương mại Cổ phần K1 theo Hợp đồng cấp tín dụng số CLN20150171/HĐCTD ngày 23/04/2015, Phụ lục số CLN20150171/HĐCTD/PL01/2021 ngày 31/03/2021 và Hợp đồng tín dụng số CLN201912297002/HĐTD ngày 08/01/2019. Trường hợp số tiền thu được từ xử lý tài sản không đủ thanh toán hết khoản nợ thì Công ty Cổ phần M1 có nghĩa vụ trả hết khoản nợ. Trường hợp Công ty Cổ phần M1 không còn khả năng trả nợ nữa thì ông Phạm Vĩnh Đ1, ông Trần Tuấn M có

trách nhiệm trả hết nợ của Công ty cổ phần M1 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần K1 theo Chứng thư bảo lãnh ngày 31/3/2021.

2.5. Trường hợp sau khi phát mãi tài sản đảm bảo để thu hồi số nợ là: Quyền sử dụng đất và công trình nhà máy M2 tại thửa đất số 1693, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại xã A, huyện B, tỉnh Long An thuộc sở hữu của Công ty cổ phần M1 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 634908, số vào sổ cấp GCN: CT40311 do Sở Tài nguyên Và Môi trường tỉnh L cấp ngày 13/10/2017, cập nhật quyền sở hữu đối với công trình nhà máy M2 ngày 01/10/2018; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số E đường T, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sở hữu của ông Trần Tuấn M theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 886/2008/UB.GCN do Ủy ban nhân dân Quận E, Thành H cấp ngày 07/3/2008, cập nhật thay đổi chủ sở hữu ngày 14/11/2017 tại Chi nhánh Văn phòng Đ2, Thành phố Hồ Chí Minh; Quyền sử dụng đất thửa đất số 617, tờ bản đồ số 51 tại địa chỉ phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sở hữu của ông Phạm Vĩnh Đ1 và bà Đinh Thị Thu T1 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 007452, số vào sổ cấp GCN: CS 15100 do Sở Tài nguyên Và Môi trường Thành phố H cấp ngày 09/02/2021, thay đổi mục đích sử dụng đất ngày 11/3/2021 tại Chi nhánh Văn phòng Đ3, Thành phố Hồ Chí Minh để thanh toán cho khoản nợ của Công ty Cổ phần M1 mà số tiền thu được từ việc phát mãi các tài sản đảm bảo nói trên còn dư thì Ngân hàng có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Công ty Cổ phần M1, ông Trần Tuấn M, ông Phạm Vĩnh Đ1 và bà Đinh Thị Thu T1.

2.6. Trường hợp Công ty Cổ phần M1 đã thực hiện nghĩa vụ trả hết số tiền trên và khoản tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần K1 thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần K1 có trách nhiệm xóa thế chấp và trả bản chính các giấy tờ sau cho:

Công ty Cổ phần M1: Bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 634908, số vào sổ cấp GCN: CT40311 do Sở Tài nguyên Và Môi trường tỉnh L cấp ngày 13/10/2017, cập nhật quyền sở hữu đối với công trình nhà máy M2 ngày 01/10/2018.

Ông Trần Tuấn M: Bản chính Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 886/2008/UB.GCN do Ủy ban nhân dân Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07/3/2008, cập nhật thay đổi chủ sở hữu ngày 14/11/2017 tại Chi nhánh Văn phòng Đ2, Thành phố Hồ Chí Minh

Ông Phạm Vĩnh Đ1 và bà Đinh Thị Thu T1: Bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 007452, số vào sổ cấp GCN: CS 15100 do Sở Tài nguyên Và Môi trường Thành phố H cấp ngày 09/02/2021, thay đổi mục đích sử dụng đất ngày 11/3/2021 tại Chi nhánh Văn phòng Đ3, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về chi phí tố tụng:

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Nguyên đơn tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và đã nộp đủ là 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng theo Phiếu thu số 58 ngày 19/5/2023, Phiếu thu số 59 ngày 19/5/2023, Phiếu thu số 60 ngày 19/5/2023 của Toà án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên án về án phí, quyền kháng cáo và quyền thi hành án

Ngày 13/12/2023 Công ty M1 kháng cáo với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm

** Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty M1 là ông Nguyễn Văn Nhật H trình bày:

Công ty M1 không kháng cáo về số tiền nợ của các hợp đồng tín dụng, việc xử lý các tài sản thế chấp và bảo lãnh của hợp đồng tín dụng kèm theo mà Công ty M1 đã ký kết và thực hiện với Ngân hàng. Tuy nhiên, Công ty M1 L1 nhận thấy việc Ngân hàng khởi kiện Công ty M1 khi chưa thương lượng cùng nhau để giải quyết vụ việc là không đúng vì lý do sau đây:

- Công ty M1 xác nhận công ty vẫn duy trì hoạt động kinh doanh, tuy nguồn thu của công ty không đến từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính nhưng nguồn thu công ty vẫn còn từ hoạt động cho thuê nhà xưởng. Công ty M1 đang xúc tiến việc bán nhà xưởng đã thế chấp cho Ngân hàng để thanh toán nợ cho Ngân hàng.

- Công ty M1 đã đề nghị gia hạn thời gian giải chấp tài sản là chậm nhất đến ngày 15/6/2023. Việc gia hạn này cũng hoàn toàn phù hợp với chủ trương của Ngân hàng N3 tại Thông tư số 02/2023/TT-NHNN ngày 23/4/2023 về việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn. Tuy nhiên, vì Ngân hàng đơn phương khởi kiện đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến kế hoạch tài chính của Công ty M1, Công ty M1 buộc phải điều chỉnh, cơ cấu lại thời hạn trả nợ. Ngân hàng không đồng hành cùng Công ty M1, không tạo điều kiện cho Công ty M1 thêm thời gian để thu xếp, giải quyết tất toán công nợ. Với mong muốn được tiếp tục đồng hành cùng Ngân hàng, Công ty M1 đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho Công ty M1 được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, hoặc gia hạn thời gian trả nợ. Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ sẽ góp phần tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp tiếp tục quay vòng nguồn vốn và tiếp cận vốn vay mới để phục vụ sản xuất, kinh doanh qua đó góp phần phát triển sản xuất, kinh doanh, thúc đẩy phát triển kinh tế.

Vì vậy, Công ty M1 kháng cáo bản án sơ thẩm vì thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét toàn diện vụ án, chưa đánh giá hết chứng cứ, chưa áp dụng Thông tư số 02/2023/TT-NHNN để yêu cầu Ngân hàng cơ cấu lại thời hạn trả nợ cho Công ty M1. Công ty M1 đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng gia hạn thời gian cho Công ty M1 trả nợ các hợp đồng tín dụng cũng như có thời gian xử lý tài sản thế chấp là nhà xưởng của thuộc quyền sở hữu của công ty và tài sản

bảo lãnh để trả nợ. Thời gian gia hạn tốt nhất mà Ngân hàng có thể áp dụng cho công ty.

Về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng tại phiên tòa phúc thẩm, Công ty M1 không đồng ý với yêu cầu này, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng là bà Nguyễn Ngọc Xuân N, ông Trần Vũ Q trình bày:

Sau khi có bản án sơ thẩm, Ngân hàng và ông Trần Tuấn M đã thỏa thuận được việc nộp tiền để giải chấp tài sản đảm bảo cũng như loại trừ nghĩa vụ bảo lãnh của ông M theo chứng thư bảo lãnh ngày 31/3/2021. Do vậy, Ngân hàng đã có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện và thực tế tại phiên tòa hôm nay Ngân hàng xin rút một phần yêu cầu khởi kiện với nội dung cụ thể như sau:

- Ngân hàng không yêu cầu Công ty M1 cho Ngân hàng số nợ gốc là 17.333.064.568 đồng;

- Ngân hàng không yêu cầu phát mãi tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại tại địa chỉ số E T, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sở hữu của ông Trần Tuấn M theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 886/2008/UB.GCN do Ủy ban nhân dân Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07/3/2008, cập nhật thay đổi chủ sở hữu ngày 14/11/2017 tại Chi nhánh Văn phòng Đ2, Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng thế chấp số CLN20171409/HĐTC ngày 19/12/2017 công chứng tại Văn phòng C2 và đăng ký giao dịch đảm bảo tại Chi nhánh Văn phòng Đ2, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 21/12/2017;

- Ngân hàng không yêu cầu ông M có trách nhiệm trả hết nợ của Công ty M1 với Ngân hàng theo chứng thư bảo lãnh ngày 31/3/2021.

Về kháng cáo của Công ty M1 liên, Ngân hàng có ý kiến như sau: Việc áp dụng Thông tư số 02/2023/TT-NHNN ngày 23/4/2023 cần có các điều kiện để áp dụng. Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn là đối với các khách hàng vẫn có khả năng trả nợ dựa trên hoạt động sản xuất kinh doanh cốt lõi của khách hàng và quyền đánh giá và áp dụng Thông tư số 02/2023/TT-NHNN là quyền của các tổ chức tín dụng dựa trên từng khách hàng cụ thể. Công ty M1 không đáp ứng được yêu cầu để áp dụng Thông tư số 02/2023/TT-NHNN. Công ty M1 thực tế không còn hoạt động sản xuất kinh doanh nữa mà nguồn thu của công ty đến từ việc cho thuê chính nhà xưởng của mình đang sản xuất kinh doanh. Công ty M1 liên không đưa ra được phương án trả nợ với khoản nợ lớn là hợn 105 tỷ đồng. Thực tế, Công ty M1 chỉ xin gia hạn thời gian để bán tài sản đã thế chấp và bảo lãnh để trả nợ.

Vì vậy Ngân hàng yêu cầu Tòa án không chấp nhận đơn kháng cáo của Công ty M1, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần việc rút yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng như đã trình bày ở trên, giữ nguyên phần bản án sơ thẩm mà Ngân hàng không rút yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử tại phiên tòa, cũng như việc chấp hành pháp luật của các bên đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; do có lý do khách quan nên không vi phạm thời hạn giải quyết vụ án.

- Về nội dung:

+ Về việc Ngân hàng rút một phần yêu cầu khởi kiện, tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Công ty M1 không đồng ý với yêu cầu này nên căn cứ khoản 1 Điều 299 Bộ luật tố tụng dân sự việc rút một phần yêu cầu này không được chấp nhận.

+ Căn cứ kháng cáo của Công ty M1 không có cơ sở chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Không chấp nhận kháng cáo của Công ty M1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của Công ty M1 còn trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được chấp nhận.

[2] Về việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện:

Theo Đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện đề ngày 04/6/2024 và tại phiên tòa phúc thẩm Ngân hàng xin rút một phần yêu cầu khởi kiện với nội dung cụ thể như sau:

- Ngân hàng không yêu cầu Công ty M1 cho Ngân hàng số nợ gốc là 17.333.064.568 đồng;

- Ngân hàng không yêu cầu phát mãi tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại tại địa chỉ số E T, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sở hữu của ông Trần Tuấn M theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 886/2008/UB.GCN do Ủy ban nhân dân Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07/3/2008, cập nhật thay đổi chủ sở hữu ngày 14/11/2017 tại Chi nhánh Văn phòng Đ2, Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng thế chấp số CLN20171409/HĐTC ngày 19/12/2017 công chứng tại Văn phòng C2 và đăng ký giao dịch đảm bảo tại Chi nhánh Văn phòng Đ2, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 21/12/2017;

- Ngân hàng không yêu cầu ông M có trách nhiệm trả hết nợ của Công ty M1 với Ngân hàng theo chứng thư bảo lãnh ngày 31/3/2021.

Xét, theo Bản tự khai ngày 23/8/2024 và tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty M1 không đồng ý việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện nêu trên. Vì vậy, căn cứ điểm a khoản 1 Điều

299 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử không chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

[3] Về nội dung kháng cáo của Công ty M1:

Tại Điều 4 Thông tư số 02/2023/TT-NHNN quy định: *Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được xem xét quyết định cơ cấu lại thời hạn trả nợ đối với số dư nợ gốc và/hoặc lãi của khoản nợ (bao gồm cả các khoản nợ thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn (đã được sửa đổi, bổ sung) trên cơ sở đề nghị của khách hàng, khả năng tài chính của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và đáp ứng các quy định sau đây: 1. Dư nợ gốc phát sinh trước ngày Thông tư này có hiệu lực và từ hoạt động cho vay, cho thuê tài chính. 2. Phát sinh nghĩa vụ trả nợ gốc và/hoặc lãi trong khoảng thời gian từ ngày Thông tư này có hiệu lực đến hết ngày 30/6/2024.*

Theo đó, việc tổ chức tín dụng áp dụng Thông tư số 02/2023/TT-NHNN xem xét quyết định cơ cấu lại thời hạn trả nợ đối với số dư nợ gốc và/hoặc lãi của khoản nợ của khách hàng trên cơ sở đề nghị của khách hàng, khả năng tài chính của tổ chức tín dụng là quyền của tổ chức tín dụng trên cơ sở đề nghị của khách hàng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ngân hàng xác định Công ty M1 không đáp ứng được yêu cầu để áp dụng Thông tư số 02/2023/TT-NHNN vì: Công ty M1 thực tế không còn hoạt động sản xuất kinh doanh nữa mà nguồn thu của công ty đến từ việc cho thuê chính nhà xưởng của mình đang xản xuất kinh doanh; Công ty M1 liên không đưa ra được phương án trả nợ với khoản nợ lớn là hơn 105.000.000.000 đồng; Công ty M1 chỉ xin gia hạn thời gian để bán tài sản đã thế chấp và bảo lãnh để trả nợ.

- Công ty M1 cũng xác nhận việc công ty xin cơ cấu lại thời hạn trả nợ là để công ty có thời gian xử lý tài sản đảm bảo và tài sản thế chấp để thanh toán nợ cho Ngân hàng.

Theo đó, có cơ sở xác định Công ty M1 không đưa ra được phương án trả nợ cho Ngân hàng và việc Công ty M1 đề nghị Ngân hàng áp dụng Thông tư số 02/2023/TT-NHNN cũng không được Ngân hàng chấp nhận.

Vì vậy, kháng cáo của Công ty M1 về việc Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét toàn diện vụ án, chưa đánh giá hết chứng cứ, chưa áp dụng Thông tư số 02/2023/TT-NHNN để yêu cầu Ngân hàng cơ cấu lại thời hạn trả nợ cho Công ty M1 là không có cơ sở, không phù hợp với quy định tại Điều 4 Thông tư số 02/2023/TT-NHNN, nên không được chấp nhận.

[4] Từ những nhận định nêu trên, phù hợp phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của Công ty M1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí:

Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án do Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty Cổ phần M1.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm như sau:

1. Về hình thức: Xử vắng mặt: người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm các ông bà: Ông Trần Xảo C, bà Lưu Lan P2, ông Trần Tuấn N1, ông Phạm Vĩnh Đ1, bà Đinh Thị Thu T1; Người đại diện theo ủy quyền của Công ty Cổ phần M1 - ông Nguyễn Khắc D; Người đại diện theo ủy quyền của Công ty Cổ phần K2 - bà Lê Thị Minh N2.

2. Về nội dung:

2.1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần K1.

Buộc Công ty Cổ phần M1 phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần K1 tổng số tiền tính đến ngày 21/11/2023 là 105.622.045.386 đồng, trong đó bao gồm: Nợ gốc là 91.241.442.396 đồng; Nợ lãi là 14.380.602.990 đồng theo Hợp đồng cấp tín dụng số CLN20150171/HĐCTD ngày 23/04/2015, Phụ lục số CLN20150171/HĐCTD/PL01/2021 ngày 31/3/2021 và Hợp đồng tín dụng số CLN201912297002/HĐTD ngày 08/01/2019.

Trả ngay một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2.2. Kể từ ngày 22/11/2023 cho đến khi thi hành án xong, Công ty Cổ phần M1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cấp tín dụng số CLN20150171/HĐCTD ngày 23/04/2015, Phụ lục số CLN20150171/HĐCTD/PL01/2021 ngày 31/3/2021 và Hợp đồng tín dụng số CLN201912297002/HĐTD ngày 08/01/2019. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2.3. Trường hợp Công ty Cổ phần M1 không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số tiền còn nợ trên cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần K1, thì Ngân

hàng Thương mại Cổ phần K1 có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là quyền sử dụng đất và công trình nhà máy M2 tại thửa đất số 1693, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại xã A, huyện B, tỉnh Long An thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần M1 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 634908, số vào sổ cấp GCN: CT40311 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 13/10/2017, cập nhật quyền sở hữu đối với công trình nhà máy M2 ngày 01/10/2018; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại tại địa chỉ số E đường T, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sở hữu của ông Trần Tuấn M theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 886/2008/UB.GCN do Ủy ban nhân dân Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07/3/2008, cập nhật thay đổi chủ sở hữu ngày 14/11/2017 tại Chi nhánh Văn phòng Đ2, Thành phố Hồ Chí Minh; Quyền sử dụng đất thửa đất số 617, tờ bản đồ số 51, tại địa chỉ phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sở hữu của ông Phạm Vĩnh Đ1 và bà Đinh Thị Thu T1 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 007452, số vào sổ cấp GCN: CS 15100 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H cấp ngày 09/02/2021, thay đổi mục đích sử dụng đất ngày 11/3/2021 tại Chi nhánh Văn phòng Đ3, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.4. Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản được dùng để thanh toán các khoản nợ gốc và lãi của Công ty Cổ phần M1 đối với Ngân hàng Thương mại Cổ phần K1 theo Hợp đồng cấp tín dụng số CLN20150171/HĐCTD ngày 23/4/2015, Phụ lục số CLN20150171/HĐCTD/PL01/2021 ngày 31/3/2021 và Hợp đồng tín dụng số CLN201912297002/HĐTD ngày 08/01/2019. Trường hợp số tiền thu được từ xử lý tài sản không đủ thanh toán hết khoản nợ thì Công ty Cổ phần M1 có nghĩa vụ trả hết khoản nợ. Trường hợp Công ty Cổ phần M1 không còn khả năng trả nợ nữa thì ông Phạm Vĩnh Đ1, ông Trần Tuấn M có trách nhiệm trả hết nợ của Công ty cổ phần M1 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần K1 theo Chứng thư bảo lãnh ngày 31/3/2021.

2.5. Trường hợp sau khi phát mãi tài sản đảm bảo để thu hồi số nợ là: Quyền sử dụng đất và công trình nhà máy M2 tại thửa đất số 1693, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại xã A, huyện B, tỉnh Long An thuộc sở hữu của Công ty cổ phần M1 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 634908, số vào sổ cấp GCN: CT40311 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 13/10/2017, cập nhật quyền sở hữu đối với công trình nhà máy M2 ngày 01/10/2018; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số E đường T, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sở hữu của ông Trần Tuấn M theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 886/2008/UB.GCN do Ủy ban nhân dân Quận E, Thành H cấp ngày 07/3/2008, cập nhật thay đổi chủ sở hữu ngày 14/11/2017 tại Chi nhánh Văn phòng Đ2, Thành phố Hồ Chí Minh; Quyền sử dụng đất thửa đất số 617, tờ bản đồ số 51, tại địa chỉ phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sở hữu của ông Phạm Vĩnh Đ1 và bà Đinh Thị

Thu T1 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 007452, số vào sổ cấp GCN: CS 15100 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H cấp ngày 09/02/2021, thay đổi mục đích sử dụng đất ngày 11/3/2021 tại Chi nhánh Văn phòng Đ3, Thành phố Hồ Chí Minh để thanh toán cho khoản nợ của Công ty Cổ phần M1 mà số tiền thu được từ việc phát mãi các tài sản đảm bảo nói trên còn dư thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần K1 có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Công ty Cổ phần M1, ông Trần Tuấn M, ông Phạm Vĩnh Đ1 và bà Đinh Thị Thu T1.

2.6. Trường hợp Công ty Cổ phần M1 đã thực hiện nghĩa vụ trả hết số tiền trên và khoản tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần K1 thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần K1 có trách nhiệm xóa thế chấp và trả bản chính các giấy tờ sau cho:

Công ty Cổ phần M1: Bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 634908, số vào sổ cấp GCN: CT40311 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 13/10/2017, cập nhật quyền sở hữu đối với công trình nhà máy M2 ngày 01/10/2018.

Ông Trần Tuấn M: Bản chính Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 886/2008/UB.GCN do Ủy ban nhân dân Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07/3/2008, cập nhật thay đổi chủ sở hữu ngày 14/11/2017 tại Chi nhánh Văn phòng Đ2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Phạm Vĩnh Đ1 và bà Đinh Thị Thu T1: Bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 007452, số vào sổ cấp GCN: CS 15100 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H cấp ngày 09/02/2021, thay đổi mục đích sử dụng đất ngày 11/3/2021 tại Chi nhánh Văn phòng Đ3, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về chi phí tố tụng:

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ngân hàng Thương mại Cổ phần K1 tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và đã nộp đủ là 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng theo Phiếu thu số 58 ngày 19/5/2023, Phiếu thu số 59 ngày 19/5/2023, Phiếu thu số 60 ngày 19/5/2023 của Toà án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về án phí dân sự

4.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty Cổ phần M1 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 213.622.045 đồng.

Hoàn lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần K1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 102.875.154 đồng theo Biên lai thu số AA/2021/0015730 ngày 05/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

4.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Công ty Cổ phần M1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 2.000.000 đồng, trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 2.000.000 đồng theo Biên lai

thu số AA/2023/0037760 ngày 20/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty Cổ phần M1 đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

5. Thi hành án tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- TAND Q. 7;
- Chi cục THADS Q. 7;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Quốc Thịnh